

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/2011/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 06 tháng 7 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành đơn giá thuê đất
áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 của Chính phủ về việc bổ sung, sửa đổi một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 187/2004/NĐ-CP về việc chuyển công ty nhà nước thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ Quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Thông tư số 141/2007/TT-BTC ngày 30/11/2007 của Bộ Tài chính Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 159/TTr-STC ngày 02/6/2011 về việc đề nghị ban hành đơn giá thuê đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng đơn giá thuê đất (mức tỷ lệ % giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê) áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Một số quy định cụ thể

1. Về đơn giá thuê đất cho từng dự án cụ thể

a) Trường hợp vị trí thửa đất cho thuê chưa quy định giá đất theo Quyết định công bố hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xem xét, xác định giá đất cụ thể, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

b) Trường hợp giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm cho thuê đất chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường thì Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp với Phòng Tài nguyên Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã có đất thuê căn cứ vào giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường để xác định giá đất cho phù hợp; báo cáo, đề xuất mức giá đất tại khu vực, vị trí cho thuê với Sở Tài chính để Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức giá cụ thể cho phù hợp.

2. Thời gian ổn định đơn giá thuê đất

a) Trường hợp có quyết định thuê đất trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mà chưa xác định giá thuê đất thì áp dụng đơn giá thuê đất theo quy định tại Điều 1 Quyết định này;

b) Các trường hợp thuê đất trước ngày quyết định này có hiệu lực thi hành mà đã nộp trước tiền thuê đất cho nhiều năm, thì trong thời hạn đã nộp tiền thuê đất không phải xác định lại đơn giá thuê đất theo quy định của Quyết định này;

c) Dự án đã thực hiện thu tiền thuê đất hết thời hạn ổn định thì việc điều chỉnh đơn giá thuê đất được thực hiện theo quy định tại khoản 6, Điều 2 Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

3. Đối với các vị trí tương đương nhau nhưng tại các vùng giáp ranh có các mức đơn giá thuê đất khác nhau thì áp dụng đơn giá thuê đất ở vị trí có đơn giá thuê đất cao hơn.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài chính quyết định đơn giá thuê đất cho từng dự án cụ thể đối với trường hợp tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuê đất lần đầu kể từ ngày 01/01/2006 hoặc điều chỉnh đơn giá thuê sau thời hạn hết hiệu lực của đơn giá thuê đất đã được quy định (5 năm).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đơn giá thuê đất cho từng dự án cụ thể đối với hộ gia đình, cá nhân thuê đất lần đầu kể từ ngày 01/01/2006 trên địa bàn hoặc điều chỉnh đơn giá thuê sau thời hạn hết hiệu lực của đơn giá thuê đất đã được quy định (5 năm).

3. Giao Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức, triển khai và hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 08/2010/QĐ-UBND ngày 06/5/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành đơn giá thuê đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

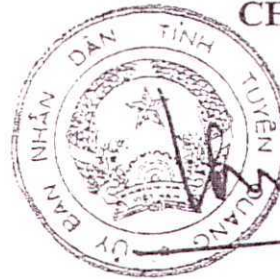
Điều 5. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *SK*

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH địa phương;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 5 (thi hành);
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm công báo;
- Trường phòng: KT, QH, TH;
- Chuyên viên: ĐC;
- Lưu VT (T 80)

(Bảo
cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Châu Văn Lâm

BẢNG ĐƠN GIÁ THUÊ ĐẤT
ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG
(Kèm theo Quyết định số: 09/2011/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2011
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Số TT	Địa bàn sử dụng đất thuê	Đơn giá theo Quy định của Chính phủ (%)		Đơn giá thuê đất áp dụng (tính bằng tỷ lệ (%) giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê)
		Tối thiểu	Tối đa	
I	Đất đô thị	1.50	3.00	
1	Thành phố Tuyên Quang;			2.50
2	Các huyện.			2.00
II	Đất tại các vị trí ven trục đường giao thông chính (quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ), các đầu mối giao thông, khu công nghiệp, khu thương mại, khu du lịch	1.50	3.00	
1	Thành phố Tuyên Quang;			2.00
2	Các huyện.			1.50
III	Đất khu vực nông thôn các vị trí còn lại	0.75	1.50	
1	Thành phố Tuyên Quang;			1.20
2	Huyện Yên Sơn, Sơn Dương, Hàm Yên;			1.00
3	Các xã còn lại thuộc địa bàn các huyện Chiêm Hoá, Lâm Bình, Nà Hang.			0.75
4	Đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản:			
-	Các xã còn lại thuộc thành phố Tuyên Quang;			1.00

Số TT	Địa bàn sử dụng đất thuê	Đơn giá theo Quy định của Chính phủ (%)		Đơn giá thuê đất áp dụng (tính bằng tỷ lệ (%) giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê)
		Tối thiểu	Tối đa	
-	Các xã còn lại thuộc địa bàn các huyện Yên Sơn, Sơn Dương, Hàm Yên;			0.80
-	Các xã còn lại thuộc địa bàn các huyện Chiêm Hoá, Lâm Bình, Nà Hang.			0.75
5	Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư; Đất thuộc các xã vùng sâu, vùng xa, vùng núi cao, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội thuộc các thôn đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư chương trình 135 giai đoạn II theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh.			0.75
IV	Đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất): Bằng 25% đơn giá trên bề mặt có cùng mục đích sử dụng đất thuê tại mục I, II, III trên.			